

Bản án số: 315/2022/DS-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2022/TLST-DS ngày 08/6/2022 về tranh chấp “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 253/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thái Văn A, sinh năm X; địa chỉ: Số O đường Đ, tổ 39 Ấp Đ, huyện H, Thành phố H. (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm Y; địa chỉ: Số M đường Q, Phường E, quận G. (Có mặt)

- Người làm chứng: Ông Trần Hữu T, sinh năm B; Địa chỉ: Số T Ấp 4, Đ, huyện H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thái Văn A trình bày:

Ngày 15/4/2018 thông qua sự giới thiệu của người quen ông được biết ông Huỳnh Văn S, lúc đó ông S là tổ trưởng tổ dân phố và bảo vệ tổ dân phố Phường H, quận G nên ông nhờ ông S là người thay ông đi nộp hồ sơ, giấy tờ liên quan đến vấn đề nhập hộ khẩu cho ông với chi phí là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Ông đã đưa cho ông S số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Khi nào ông S hoàn tất hồ sơ và nhập hộ khẩu xong cho ông thì ông sẽ giao đủ số tiền còn lại. Giao dịch giữa ông và ông S chỉ thỏa thuận miệng mà không lập thành văn bản. Đến nay ông S vẫn chưa làm được hồ sơ nhập khẩu cho ông. Ông đã gặp ông S nhiều lần để yêu cầu trả lại tiền nhưng ông S vẫn không trả. Vào ngày 16/11/2021 ông S viết cam kết với nội dung cho ông S thêm thời gian đến hết Tết nguyên đán âm lịch sẽ làm xong, không được thì ông S sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Hết thời hạn ông S không làm xong việc nhưng cũng không hoàn lại tiền cho ông như đã cam kết. Nên nay ông yêu cầu ông S phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra ông không còn ý kiến và yêu cầu nào khác.

* Bị đơn - Ông Huỳnh Văn S: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2022 ông S xác nhận về việc giữa ông và ông Y. Ông là người thay ông Y đi nộp hồ sơ, giấy tờ liên quan đến vấn đề nhập hộ khẩu cho ông với chi phí 25.000.000 đồng, ông đã nhận trước của ông Y số tiền 20.000.000 đồng. Khi nào làm xong ông Y sẽ đưa số tiền còn lại 5.000.000 đồng. Giao dịch giữa ông và ông Y chỉ thỏa thuận miệng. Sau khi nhận tiền từ ông Y ông cũng đã tiến hành các thủ tục cần thiết để làm hồ sơ nhập khẩu cho ông Y tuy nhiên do dịch Covid -19 bùng phát nên hồ sơ bị chậm lại nên ngày 16/11/2021 ông đã viết cam kết với ông Y đến Tết nguyên đán mà ông không làm xong thì sẽ trả lại tiền cho ông Y. Đến nay ông xác nhận vẫn chưa làm xong hồ sơ nhập khẩu cho ông Y do còn thiếu một số giấy tờ như giấy khai sinh, sổ tạm trú của ông Y. Do vậy, đề nghị ông Y tiếp tục bổ túc hồ sơ để ông làm cho xong, trường hợp ông Y không đồng ý thì ông chỉ đồng ý trả lại cho ông 10.000.000 đồng vì ông cũng đã bỏ ra nhiều thời gian, công sức và chi phí đi lại để làm hồ sơ này cho ông Y nên ông Y phải hỗ trợ cho ông số tiền 10.000.000 đồng.

* Người làm chứng - Ông Trần Hữu T trình bày: Ông xác nhận phần trình bày của ông Thái Văn A là đúng, ông là cháu gọi ông Thái Văn A bằng cậu. Do ông quen biết với ông Huỳnh Văn S nên ông đã giới thiệu cậu ông là Thái Văn A với ông Huỳnh Văn S để nhờ ông S là người đứng ra nộp hồ sơ

và các giấy tờ để nhập hộ khẩu cho ông Y. Do ông Y lớn tuổi, đi lại khó khăn, lại bị bệnh nên mọi giao dịch, giấy tờ ông Y đều nhờ nên ông biết được sự việc. Ngày 16/11/2021 ông S đã viết cam kết nêu trên và ông là người làm chứng. Ông xác nhận sự việc trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Tại phiên tòa:

Ông Thái Văn A, ông Trần Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn - Ông Huỳnh Văn S trình bày: Sở dĩ ông chưa làm xong thủ tục nhập khẩu cho ông Y được là vì hồ sơ của ông Y phải gửi xác minh ở nhiều nơi nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 nên hồ sơ bị chậm lại đến thời điểm hiện nay thì ông đã hoàn tất các xác minh, chỉ cần ông Y bỏ tức bản sao giấy khai sinh, sổ tạm trú của ông Y tại Hóc Môn và sổ hộ khẩu nhà vợ ông Y (nơi nhập khẩu cho ông Y) và nộp lên Quận là xong nhưng ông Y cho rằng sắp tới Nhà nước sẽ bỏ hộ khẩu giấy nên việc nhập khẩu không còn cần thiết nữa nên ông Y không hợp tác để bỏ tức giấy tờ cho ông. Về ông Y hiểu về chính sách của Nhà nước như vậy là chưa đúng, quy định bỏ hộ khẩu giấy để nhập thông tin trên dữ liệu cư dân nên vẫn cần phải có hồ sơ gốc. Mặc dù chưa làm xong việc nhập khẩu cho ông Y nhưng ông đã bỏ rất nhiều thời gian, công sức, chi phí đi lại để hoàn tất các thủ tục đối với hồ sơ này nên ông Y phải hỗ trợ cho ông 1 phần công sức, chi phí đi lại đối với hồ sơ này. Vì vậy ông chỉ đồng ý trả lại cho ông Y số tiền 10.000.0000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1.Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí đương sự phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa ông Thái Văn A và ông Huỳnh Văn S là tranh chấp kiện đòi tài sản. Ông S cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Thái Văn A là nguyên đơn và ông Trần Hữu T là người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Y, ông T.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn A buộc ông Huỳnh Văn S trả lại số tiền 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định giữa ông Thái Văn A và ông Huỳnh Văn S có thỏa thuận với nhau về việc ông S là người đứng ra làm các thủ tục để đăng ký nhập hộ khẩu với chi phí là 25.000.000 đồng, ông Y đã giao cho ông S số tiền là 20.000.000 đồng. Giao dịch này mặc dù 2 bên chỉ thỏa thuận miệng nhưng được các bên thừa nhận nên phát sinh hiệu lực với các bên liên quan.

Tại phiên tòa ông S đề nghị ông Y hỗ trợ cho ông là 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đề nghị được hỗ trợ 10.000.000 đồng này của ông S không được phía nguyên đơn đồng ý và thỏa thuận giữa ông Y, ông S không quy định rõ về quyền lợi, nghĩa vụ trách nhiệm của các bên khi thực hiện giao dịch, cụ thể như ông Y phải có nghĩa vụ cung cấp những giấy tờ gì và ông S sẽ làm những công việc gì. Mặt khác ông S cũng xác nhận công sức

và chi phí ông đã bỏ ra không có hóa đơn chứng từ nên yêu cầu này của ông S là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Giấy cam kết ngày 16/11/2021 với nội dung ông S cam kết đến Tết nguyên đán âm lịch sẽ làm xong hồ sơ nhập khẩu cho ông Y, trường hợp không xong thì sẽ hoàn trả hồ sơ lại và số tiền đã nhận là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Do ông S không thực hiện đúng cam kết đã ký nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho ông Thái Văn A số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0048545 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Điều 39; Điều 147, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 166, Điều 351, Điều 353 và Điều 357, Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Văn S phải trả cho ông Thái Văn A số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000đ (Một triệu đồng) do ông Huỳnh Văn S phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho ông Thái Văn A số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0048545 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ

